

Bản án số: **716** /2021/HNGĐ - ST

Ngày 18 tháng 10 năm 2021.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà N T C

- Ông L A T

- *Thư ký phiên tòa:* Bà N H N - Thư ký Toà án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đống Đa* tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 10 năm 2021, tại phòng xét xử trụ sở Toà án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 473/2020/TLST- HNGĐ ngày 08/6/2021 về việc “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 157/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Chị BTN**, sinh năm 1987; Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số 460 Lê Duẩn, phường Phương Liên, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa).

- **Bị đơn: Anh LNS**, sinh năm 1987; Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số 460 Lê Duẩn, phường Phương Liên, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 6 năm 2021, Bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là chị BTN trình bày:*

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị BTN và anh LNS kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Phương, Tỉnh Nam Định ngày 15/11/2011. Trước khi kết hôn chưa ai có vợ, có chồng.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại Số 460 Lê Duẩn, phường Phương Liên, quận Đống Đa, Hà Nội và ở ổn định cho đến nay. Đây là nhà của bố mẹ đẻ chị N. Anh S không có nhà ở tại Hà Nội.

Quá trình chung sống, anh chị sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tình tình không hợp. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống và bất đồng trong việc nuôi dạy con cái. Mâu thuẫn cả trong lời ăn, tiếng nói. Anh S không có trách nhiệm với gia đình, không chăm sóc yêu thương vợ con. Hơn 02 năm nay anh S không đóng góp kinh tế cho gia đình, không đưa cho chị N một đồng nào để nuôi con và duy trì sinh hoạt gia đình. Ngoài ra, anh S thường đi chơi với bạn bè và đăng ảnh trên facebook công khai tình cảm với bạn gái, có quan hệ ngoại tình với nhiều người phụ nữ khác nhau kéo dài trong nhiều năm. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không có khả năng hàn gắn, không còn cơ hội hòa giải. Chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S để chị N sớm ổn định cuộc sống, nuôi dạy con cái.

- **Về con chung:** Anh chị có 02 (hai) con chung là cháu LTV(giới tính nam), sinh ngày 02/03/2013 và cháu LTQ(giới tính nam), sinh ngày 21/12/2014. Ly hôn, chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Vì theo chị N, anh S không có nhà ở tại Hà Nội, không có việc làm, không có thu nhập nên không đảm bảo điều kiện nuôi con. Nhà số 460 Lê Duẩn, phường Phương Liên, quận Đống Đa, Hà Nội là nhà của bố mẹ đẻ chị N là ông Bùi Ngọc Báu và bà Nguyễn Thị Chiên. Hiện nay anh S đang ở nhờ nhà bố mẹ vợ. Nếu anh S được nuôi 02 con sẽ không có chỗ ở mà phải đưa các cháu về Nam Định là nhà ông bà nội ở như vậy sẽ không đảm bảo điều kiện sống ổn định và tốt nhất cho các cháu. Hiện các cháu đang học tập ổn định tại Trường tiểu học cơ sở Phương Liên, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. (Cháu LTV học lớp 2 còn cháu LTQ học lớp 1; cả hai cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ). Chị N đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung và nhà ở chung (động sản và bất động sản):** Chị N xác nhận anh chị không có, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ:** Chị N xác nhận anh chị không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

- Ngoài ra, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

*** Tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai, Biên bản hòa giải bị đơn là Lã Ngọc S trình bày:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị BTN và anh LNS kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Phương, Tỉnh Nam Định ngày 15/11/2011. Trước khi kết hôn chưa ai có vợ, có chồng.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại Số 460 Lê Duẩn, phường Phương Liên, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội và ở ổn định cho đến nay. Đây là nhà của bố mẹ đẻ chị N.

Quá trình chung sống anh chị đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp do chị N thường xuyên nghi ngờ anh S có quan hệ ngoại tình. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống và bất đồng trong việc nuôi dạy con cái. Mâu thuẫn cả trong lời ăn, tiếng nói. Nay chị N cương quyết xin ly hôn thì anh S cũng đồng ý ly hôn chị N vì anh xác định vợ chồng có mâu thuẫn do tính tình không hợp, chị N thường xuyên nghi ngờ anh ngoại tình, chị N không tin tưởng anh dẫn đến không tôn trọng anh trong cuộc sống. Vợ chồng anh chị không có quan điểm chung, mâu thuẫn trong lời ăn tiếng nói và trong cách nuôi dạy con cái. Từ năm 2019 cho đến nay anh S gặp khó khăn trong kinh doanh nên không có tiền đóng góp cho vợ nuôi con và duy trì cuộc sống gia đình. Thỉnh thoảng chị N có bắt gặp những tin nhắn nhạy cảm anh S gửi cho bạn gái, đây chỉ là quan hệ chơi bời bạn bè chứ anh S không xác định đó là quan hệ yêu đương sâu sắc. Sau đó, anh S đã nhiều lần xin lỗi chị N nhưng chị N không tha thứ cho anh.

- **Về con chung:** Anh chị có 02 (hai) con chung là cháu LTV(giới tính nam), sinh ngày 02/03/2013 và cháu LTQ(giới tính nam), sinh ngày 21/12/2014. Ly hôn, anh S có nguyện vọng được nuôi cháu LTV(giới tính nam), sinh ngày 02/03/2013 và đồng ý để chị N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu LTQ(giới tính nam), sinh ngày 21/12/2014 và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- **Về tài sản chung và nhà ở chung (động sản và bất động sản):** Anh S xác nhận anh chị không có, anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ:** Anh S xác nhận anh chị không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Anh S đồng ý với việc chị N tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Ngoài ra, anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết bất cứ vấn đề nào khác.

*** Tại phiên tòa:**

- Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị BTN giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn anh S. Chị N trình bày: anh S đã nhiều lần ngoại tình với nhiều người phụ nữ khác nhau và kéo dài trong nhiều năm gây ra tổn thương cho chị nên tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Mặt khác, anh S không đóng góp kinh tế gia đình để một mình chị phải đi làm kiếm tiền nuôi 02 con chung. Anh S cũng thường xuyên mắng mỗ, chửi bới con cái khiến các con sợ hãi và xa lánh bố. Vì vậy, chị N có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con vì anh S nhiều năm nay không có việc làm, không có thu nhập. Về tài sản chung và nhà ở chung: anh chị không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ; anh chị không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: chị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa, bị đơn là anh LNS xác nhận: anh S đã ngoại tình với hai người phụ nữ, tại hai thời điểm khác nhau từ năm 2014 đến năm 2019. Nhưng anh không đồng ý ly hôn chị N vì không muốn các con anh bị tổn thương và có vết nhơ vì bố mẹ ly hôn. Anh S đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N để anh chị tiếp tục chung sống nuôi dạy con cái. Nếu phải ly hôn, anh S có nguyện vọng nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị N đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Anh S đã xin được việc làm, anh làm lái xe tại Hà Nội và bắt đầu làm việc từ ngày 11/10/2021. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh chưa có tài liệu chứng cứ chứng minh về vấn đề này để nộp cho Tòa án. Trong trường hợp được nuôi cả hai con chung thì anh sẽ đưa các con về quê chung sống cùng bố mẹ anh S tại Nam Định vẫn đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho các cháu. Về tài sản chung và nhà ở chung: anh chị không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ; anh chị không nợ ai và không cho ai vay nợ, anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tại phiên tòa sau khi tóm tắt nội dung vụ án và phân tích nội dung vụ án trình bày quan điểm:**

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ

án theo trình tự luật định, Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: sau khi tóm tắt nội dung vụ án và phân tích nội dung vụ án. Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị BTN; Về con chung: giao cháu LTV (giới tính nam), sinh ngày 02/03/2013 và cháu LTQ (giới tính nam), sinh ngày 21/12/2014 cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi được sinh sống và học tập ổn định của các cháu và cũng trên cơ sở nguyện vọng của các cháu đều muốn được ở với mẹ. Tạm hoãn việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho anh S cho đến khi chị N có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác. Về tài sản chung và nhà ở chung: anh S và chị N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét; Về nợ: anh S và chị N xác nhận không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. **Về tố tụng:** Căn cứ vào đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong vụ án: Xác định tranh chấp giữa chị BTN và anh LNS là Tranh chấp về việc: “Ly hôn” giữa nguyên đơn là chị BTN và bị đơn anh LNS cư trú tại số: 460 Lê Duẩn, phường Phương Liên, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của chị BTN và anh LNS thể hiện: chị BTN và anh LNS có đăng ký kết hôn số 57, quyển số 02 ngày 15/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Yên Phương, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định trên cơ sở tự nguyện - đây là Hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị BTN đối với anh LNS: Hội đồng xét xử xét thấy việc chấp nhận yêu cầu ly hôn phải phụ thuộc vào mâu thuẫn vợ chồng đã trầm

trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh chị thống nhất xác nhận vợ chồng anh chị có phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp. Anh S đã ngoại tình với nhiều người và trong một thời gian dài từ năm 2014 đến năm 2019. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống và bất đồng trong việc nuôi dạy con cái. Mâu thuẫn cả trong lời ăn, tiếng nói. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không còn khả năng hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S. Tại phiên tòa, anh S xác nhận đã ngoại tình với 02 người phụ nữ khác nhau và từ năm 2014 đến năm 2019. Việc này đã gây ra những tổn thương nặng nề đối với chị N nên việc anh S đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là không có căn cứ chấp nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn giữa chị N và anh S đã kéo dài trong nhiều năm, khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình". Với điều kiện hoàn cảnh thực tế của anh chị như hiện nay vợ chồng không còn dành tình cảm, yêu thương cho nhau nên không thể có cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được. Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Chị N và anh S có 02 con chung là cháu LTV(giới tính nam), sinh ngày 02/03/2013 và cháu LTQ(giới tính nam), sinh ngày 21/12/2014. Ly hôn, chị N và anh S đều có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét việc giao con cho ai nuôi phải căn cứ vào quyền lợi cho con chung. Quá trình giải quyết vụ án, cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ do mẹ quan tâm chăm sóc tốt hơn bố và là người tốt. Các cháu cũng đang học tập ổn định tại Trường Tiểu học Phương Liên, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội tại địa bàn quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Nhà đất tại địa chỉ 460 Lê Duẩn, phường Phương Liên, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội là của bố mẹ đẻ chị N là ông Bùi Ngọc Báu và bà Nguyễn Thị Chiên. Ông bà đồng ý cho chị N cùng 02 con tiếp tục được sinh sống tại nhà đất của ông bà sau khi anh S và chị N ly hôn. Mặt khác, chị N đang công tác tại

Công ty TNHH BHA Việt Nam và có mức lương 16.000.000 đồng/ 01 tháng đảm bảo được việc nuôi con. Anh S không có tài liệu chứng cứ chứng minh có việc làm và có thu nhập. Mặt khác, anh S cũng tự nhận tại phiên tòa là khả năng dạy con hạn chế do nóng tính hay mắng chửi con làm các con xa cách. Sau khi ly hôn, anh sẽ đưa các con về cho ông bà nội nuôi dưỡng còn anh vẫn công tác tại Hà Nội sẽ không đảm bảo quyền lợi cho các con và không đúng với nguyện vọng được ở với mẹ của các cháu.

Xét Nguyện vọng được nuôi con của anh chị là chính đáng. Tuy nhiên, việc nuôi con phải căn cứ vào quyền lợi và nguyện vọng của các con chung. Cả hai con đều có nguyện vọng ở với mẹ và được tiếp tục học tập, sinh sống tại Hà Nội. Như vậy, cần giao cháu LTV và cháu LTQ cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi được sinh sống và học tập ổn định của các cháu tại Hà Nội. Do chị N không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho anh S cho đến khi chị N có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác.

- Về tài sản chung và nhà ở chung: chị N và anh S, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

- Về nợ: chị N và anh S xác nhận không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

- Về án phí: chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ : Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ: Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- **Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị BTN.**

(Chị BTN được ly hôn anh LNS).

- **Về con chung:** Xác nhận chị N và anh S có 02 con chung tên là LTV(giới tính nam), sinh ngày 02/03/2013 và LTQ(giới tính nam), sinh ngày 21/12/2014. Ly hôn,

giao cháu LTV và cháu LTQ cho chị BTN được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh S cho đến khi chị N có yêu cầu hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền thay thế.

Anh S có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung và nhà ở chung: chị N và anh S không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

- **Về nợ:** chị N và anh S xác nhận không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

- **Về án phí:** Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai số 0068822 ngày 07 tháng 06 năm 2021 tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. (Chị N đã nộp đủ án phí) .

Án xử công khai sơ thẩm, chị BTN và anh LNS có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Hà nội
- Viện kiểm sát quận Đống Đa
- Dương sự
- lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NBH